TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 128/2020/QĐST-HNGĐ	*Bạc Liêu, ngày 16 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 195/2020/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1977. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tạm trú: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khóm 2, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Chí L và chị Nguyễn Ngọc T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Anh Nguyễn Chí L và chị Nguyễn Ngọc T thuận tình ly hôn với nhau.

2.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 04/10/2007 và Nguyễn Ngọc Nhã V, sinh ngày 19/02/2013 cho chị Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn (hiện nay

cháu H và cháu V đang sống chung với anh L và chị T). Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Chí L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Ngọc Nhã V số tiền mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2020 đến khi cháu H và cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4 Về án phí: Anh Nguyễn Chí L phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng. Anh L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006851 ngày 08/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Minh Tân